

QUAN HỆ QUỐC TẾ

THĂNG TRẦM TRONG QUAN HỆ HOA KỲ - ẤN ĐỘ

Đỗ Trọng Quang

Ngày 23/3/1983, từ Nhà Trắng phát đi bài nói chuyện của Tổng thống Ronald Reagan với quốc dân, gọi là “Thông báo về Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược”. Tổng thống kêu gọi các nhà khoa học phát triển năng lực cần thiết để “đánh chặn và phá hủy tên lửa đạn đạo chiến lược trước khi nó tới lãnh thổ chúng ta và các đồng minh”. Sau khi Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược (SDI) được thông báo, nó bị dư luận trong và ngoài nước công kích dữ dội. Ở nước Mỹ, SDI trở thành đề tài tranh luận chính trị và bị phê phán trên cơ sở kỹ thuật, kinh tế, và chiến lược, cũng như bị coi là sự leo thang chạy đua vũ trang. Tháng 9 năm đó, SDI bị Thủ tướng Ấn Độ là bà Indira Gandhi gián tiếp đả kích tại Đại hội đồng Liên hợp quốc, mặc dù bà đã cố gắng giải quyết xích mích với Hoa Kỳ từ năm 1981.

Lời đả kích của bà Indira Gandhi có tầm quan trọng đáng kể, vì Ấn Độ là một nước đứng đầu Phong trào Không liên kết bao gồm gần 2/3 các quốc gia thành viên Liên hợp quốc. Tiếp theo bà, Ngoại trưởng Ấn Độ là P.V. Narasimha Rao còn gay gắt hơn khi ông cảnh báo rằng, sự phát triển vũ khí ra ngoài vũ trụ “có nghĩa là chào tạm biệt giải trừ quân bị và hòa bình, và đẩy loài người vào một cơn ác

mộng vĩnh viễn”. Ông cho rằng, sự leo thang sau đây “sẽ làm trái đất nổ tung thành nghìn mảnh”¹. Năm 1985, tại Hội nghị Giải trừ quân bị ở Geneva (Thụy Sĩ), đại diện Ấn Độ là Muchkund Dubey cũng chính thức phản đối sáng kiến Reagan, kêu gọi thương lượng để ngăn chặn chạy đua vũ trang trong vũ trụ.

Năm 2001, ông George W. Bush nhậm chức Tổng thống Mỹ, quyết tâm hoàn thành kế hoạch mà ông Reagan khởi xướng. Tuy trong khoảng thời gian từ khi Tổng thống Reagan cầm quyền đến lúc ông Bush ngồi ở Nhà Trắng, thế giới đã thay đổi nhiều, Liên bang Xô Viết không còn tồn tại, cuộc chạy đua giữa hai siêu cường đã trôi vào dĩ vãng. Nhưng đối với nước Mỹ theo quan điểm của giới lãnh đạo, thì nguy cơ chưa mất hẳn mà chỉ thay đổi về hình thức và cường độ, đây là chủ nghĩa khủng bố và những nước muốn sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt. Trước nguy cơ đó, Tổng thống Bush lựa chọn một giải pháp có thể gây tranh cãi giống như giải pháp của Tổng thống Reagan trước đây hai thập kỷ.

Tháng 5/2001, Tổng thống Bush đề ra một đường lối hành động có thể cho phép giảm quy mô lực lượng hạt nhân Hoa Kỳ, và phục hồi hàng rào phòng thủ chiến lược bằng cách từ bỏ Hiệp ước

chống Tên lửa đạn đạo (ABM). Ông Bush nghĩ rằng, hiệp ước đó nên được thay thế bằng “một khuôn khổ mới phản ánh sự đoạn tuyệt dứt khoát với quá khứ, đặc biệt đoạn tuyệt với tình trạng đối đầu của Chiến tranh Lạnh”. Theo ông Bush, thì “ABM đã bỏ qua những bước đột phá cơ bản của công nghệ trong 30 năm qua”, và ngăn cản nước Mỹ “thăm dò mọi cách lựa chọn để chống những nguy cơ đe dọa chúng ta, đồng minh của chúng ta và các nước khác”².

Giống như SDI của những năm đầu 1980, kế hoạch phòng thủ tên lửa của ông Bush đã gây tranh cãi chính trị. Cộng đồng quốc tế coi sáng kiến Bush là một thí dụ nữa về chủ nghĩa đơn phương, sự liều lĩnh, và thái độ bất chấp dư luận thế giới. Trong nước, kế hoạch bị chỉ trích là lảm lạc, vô hiệu quả, tốn kém, và gây mất ổn định. Các nước đồng minh chủ yếu ở châu Âu và châu Á của Hoa Kỳ đều không ủng hộ kế hoạch, thậm chí những người thông cảm với ông Bush cũng cảnh giác về hậu quả của nó, sợ rằng sáng kiến Bush sẽ kích động Moscow và Bắc Kinh tăng cường lực lượng tấn công chiến lược và có thể cả vũ khí phòng thủ.

Tuy vậy lần này, trong khi tất cả đều chống lại kế hoạch đó, thì có một ngoại lệ là Ấn Độ. Sau cuộc hội đàm giữa Cố vấn An ninh Quốc gia của Mỹ lúc đó là bà Condoleezza Rice với Ngoại trưởng Ấn Độ là Jaswant Singh, ông này đã khen ngợi khuôn khổ mới của Tổng thống Bush. Việc Chính phủ của Thủ tướng Atal Bihari Vajpayee ủng hộ kế hoạch của ông Bush đã gây tranh luận trong nước và cộng đồng quốc tế, một cộng đồng vốn đã quen với mấy thập kỷ Ấn Độ chống đối sáng kiến hạt nhân của Hoa Kỳ. Trong nước

Ấn Độ, một số nhà phân tích bản khoản không biết chính phủ có “quá hấp tấp” ủng hộ kế hoạch Bush không, một số khác trước kia phản đối SDI của Ronald Reagan thì bây giờ lại hoan nghênh Chính phủ Ấn Độ ủng hộ ý tưởng của George W. Bush.

Lập trường của Ấn Độ về phòng thủ tên lửa đã thay đổi trong bối cảnh quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ ngày càng chuyển biến từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, đặc biệt từ khi Tổng thống George W. Bush lên cầm quyền. Trước đây, New Dehli phản đối phòng thủ chiến lược, nhưng bây giờ lại coi phòng thủ tên lửa là một phần khả năng răn đe của mình. Sự công nhận mối đe dọa, do vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) và tên lửa đạn đạo nằm trong tay các nước thù địch, là vô cùng quan trọng. Ngoài ra, cả New Dehli và Washington đều muốn xây dựng quan hệ đối tác mới, nhằm thúc đẩy thế cân bằng địa-chính trị ở châu Á trước thách thức ngày càng tăng như Trung Quốc, cũng khiến Ấn Độ chấp nhận phòng thủ chiến lược có lợi cho sự ổn định.

Phòng thủ chiến lược trong con mắt người Ấn Độ ở thời kỳ Chiến tranh Lạnh

Sự phản đối gay gắt ban đầu của Ấn Độ đối với phòng thủ tên lửa không thể tách rời thái độ của New Dehli trước trật tự hạt nhân toàn cầu thời kỳ Chiến tranh Lạnh, gần thời gian Ấn Độ tuyên bố độc lập. Nước Ấn Độ giành được độc lập bằng chủ nghĩa dân tộc của quần chúng bất bạo động đã có ảnh hưởng định hình đối với thế hệ lãnh đạo đầu tiên. Thế giới quan của thế hệ này biểu hiện ở những chủ đề như chống thực dân, không liên

kết, giải trừ quân bị, phát triển, và tìm kiếm một trật tự thế giới mới. Chiến lược của Ấn Độ sau khi độc lập thể hiện mỗi ác cảm tự nhiên đối với sự kình địch giữa hai khối và cuộc chạy đua vũ trang. Thủ tướng Jawaharlan Nehru gọi tình hình đó là “cuộc khủng hoảng tinh thần”, xúc phạm nhân phẩm, gây bất lợi cho phát triển kinh tế, và xáo trộn trật tự dân chủ.

Từ khi Trung Quốc thử bom hạt nhân lần đầu tiên năm 1964, sự cần thiết phải có một vũ khí răn đe được tranh luận sôi nổi ở Ấn Độ. Tuy vậy, cuộc thí nghiệm hạt nhân thứ nhất của Ấn Độ năm 1974 vẫn chỉ nhằm phô trương năng lực khoa học của mình hơn là muốn phát triển một kho vũ khí hạt nhân. New Dehli tự kiềm chế sản xuất vũ khí càng lâu càng hay vì hy vọng an ninh quốc gia còn có thể được duy trì qua giải trừ vũ khí hạt nhân hoàn toàn trên thế giới. Mặc dù cuộc thử hạt nhân của Trung Quốc được coi là mối đe dọa an ninh nước mình, các nhà lãnh đạo Ấn Độ vẫn không chủ định phát triển kho hạt nhân. Ý định của Ấn Độ chỉ thay đổi vào năm 1989, khi Thủ tướng Rajiv Gandhi cho phép khởi động chương trình hạt nhân vì ngờ Pakistan có thứ vũ khí khủng khiếp này từ năm 1987, nhưng Thủ tướng chỉ thực hiện quyết định đó sau khi cố gắng lần cuối cùng nhằm thúc đẩy giải trừ quân bị toàn cầu thông qua Kế hoạch Hành động mà ông đề xuất ở Liên hợp quốc trước đây một năm.

Ấn Độ không có thiện cảm với SDI, vì cho rằng nó có thể dẫn đến cuộc chạy đua vũ trang không cần thiết và tốn kém, cản trở điều mong muốn mà Ấn Độ ấp ủ từ lâu là biến đổi trật tự quốc tế có lợi cho các nước nhỏ yếu.

Các nhà chiến lược Ấn Độ lo ngại SDI sẽ phá hoại chính sự răn đe. Nhưng tuy quan chức Ấn Độ không tán thành học thuyết răn đe lẫn nhau, một học thuyết cho rằng thế ổn định sẽ được duy trì vì hai bên đối địch đều sợ bị tiêu diệt, họ đã thừa nhận học thuyết đó là cơ sở tốt thứ hai của sự ổn định toàn cầu cho tới khi giải trừ quân bị toàn diện được hoàn thành.

Trước kia, Ấn Độ phản đối SDI vì lo sợ tác động của nó đối với an ninh nước mình. Một lá chắn phòng thủ của Hoa Kỳ, kích thích Liên Xô tăng cường lực lượng chiến đấu đáp lại, có thể thúc đẩy Trung Quốc phát triển năng lực hạt nhân, kể cả năng lực nhằm vào Ấn Độ. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ nhìn thấy hai hậu quả thực tiễn của SDI đều tai hại cho nước mình. Nếu Hoa Kỳ vô hiệu hóa được tên lửa đạn đạo, thì sự thất bại của Liên Xô, siêu cường bảo trợ Ấn Độ, sẽ phá hoại cái vỏ che của liên minh Xô-Ấn ở nửa sau của Chiến tranh Lạnh. Trái lại, “nếu Liên Xô theo kịp Hoa Kỳ, thì hệ thống quốc tế sẽ trở lại thời kỳ hai cực những năm 1950 khi Hoa Kỳ chỉ phải đối mặt với sức mạnh quân sự của Liên Xô chứ không phải đương đầu với thách thức kinh tế và công nghệ của Tây Âu và Nhật Bản, cũng như thách thức chính trị của khối không liên kết”³. Điều đó sẽ buộc nhà cầm quyền New Dehli phải níu chặt Liên Xô hơn là họ muốn; làm giảm số cường quốc đang vươn lên có thể giúp đỡ Ấn Độ về quân sự, chính trị, và công nghệ; phá hoại xu thế tiến đến thế giới đa cực có thể biến Ấn Độ thành một cường quốc máu chó.

Vì thế, Ấn Độ phản đối SDI, giống như đã chống các học thuyết răn đe hạt nhân trước đây, New Dehli giữ

một lập trường trái ngược với Hoa Kỳ lúc đang tìm cách cải thiện quan hệ song phương với Washington. Bên ngoài, các nhà ngoại giao Ấn Độ cố gắng hướng sự chú ý của quốc tế vào tình hình Pakistan tăng cường năng lực hạt nhân, trong khi tìm cách ngăn cản cộng đồng quốc tế hạn chế về chính trị và pháp lý đối với quyền phát triển kho hạt nhân của Ấn Độ. Bên trong, trước nhiều bằng chứng về việc Trung Quốc tiếp tục phổ biến công nghệ vũ khí hạt nhân cho Pakistan và việc Islamabad tiến đến chỗ có vũ khí hạt nhân, chương trình nghiên cứu và phát triển hạt nhân của Ấn Độ tập trung vào việc hoàn thành công việc chuẩn bị cần thiết năm 1974 để chế tạo vũ khí.

Năm 1989, Ấn Độ quyết định chế tạo vũ khí hạt nhân khi hoàn cảnh chiến lược biến đổi. Chiến tranh Lạnh kết thúc, Ấn Độ mất cường quốc bảo vệ chính của mình. Sự sụp đổ Liên bang Xô viết làm suy yếu năng lực của quân đội Ấn Độ vốn trông cậy vào thiết bị quân sự của khối phương Đông. Đúng lúc đó thì đất nước chịu tác động của cơn khủng hoảng tài chính lớn khiến dự trữ ngoại tệ hầu như cạn kiệt, nhà nước gần rơi vào tình trạng không trả được nợ. Tất cả các nhân tố đó, cộng với thế vươn lên của Trung Quốc và Pakistan sau khi Liên Xô sụp đổ, càng khiến Ấn Độ trông chờ vào năng lực vũ khí hạt nhân của mình, tuy mới mẻ nhưng kín đáo.

Trong bối cảnh đó, quan hệ giữa Ấn Độ với Hoa Kỳ được thay đổi. Sau nỗ lực cải cách kinh tế, Ấn Độ bắt đầu được coi là một "thị trường lớn đang xuất hiện", đáng được Hoa Kỳ tôn trọng. Nhưng dưới con mắt New Delhi, sự quan tâm tích cực đó ngày

càng bị phủ bóng đen của hai yếu tố đáng nghi ngại trong chính sách đối ngoại Hoa Kỳ là: Chính quyền Clinton cố gắng kìm hãm chương trình hạt nhân và tên lửa của Ấn Độ, và kế hoạch của người Mỹ muốn phát triển hệ thống phòng thủ tên lửa. Hoa Kỳ lo ngại về tình hình xung đột trong khu vực, bạo lực sắc tộc và tôn giáo, nhất là sự phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), một vấn đề chi phối chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ với Nam Á giữa những năm 1990.

Sự cáo chung của thế hai cực khiến quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ được cải thiện khi không còn sự kinh địch của hai siêu cường. Hoàn cảnh đó tạo điều kiện để người Mỹ và người Ấn Độ có thể thực hiện việc xích gần nhau mà mấy thập kỷ trước họ không làm được. Tuy vậy theo New Delhi, nỗi lo lắng của Mỹ về sự phổ biến WMD đưa đến chỗ Hoa Kỳ ngày càng có thái độ thù địch với chương trình vũ khí hạt nhân Ấn Độ và Pakistan, khi cả hai quốc gia này đều phụ thuộc vào năng lực hạt nhân.

Các chính phủ kế tiếp nhau của Ấn Độ vướng mắc vào cuộc tranh cãi với Hoa Kỳ về mục đích của chương trình vũ khí hạt nhân nước mình, cũng như về hậu quả tai hại đối với Ấn Độ của các chế độ kiểm soát công nghệ quốc tế do Hoa Kỳ cầm đầu. Nỗi lo sợ của Ấn Độ được xác nhận khi Chính phủ Clinton cố gắng "hạn chế, giảm bớt, và cuối cùng loại trừ năng lực hạt nhân và tên lửa" của hai quốc gia Nam Á trên. Trước mục tiêu mà Hoa Kỳ theo đuổi đó, Ấn Độ càng có ý định duy trì khả năng chiến lược kín đáo của mình.

Tuy nhiên, thời gian không ủng hộ Ấn Độ. Trước sự ngạc nhiên của New Delhi, người Mỹ tìm được cách kéo dài

không thời hạn Hiệp ước Cấm thử Vũ khí Hủy diệt hàng loạt (NPT) năm 1995. Kéo dài NPT không thời hạn cũng có nghĩa là Ấn Độ mất thế mặc cả vì không có vũ khí hạt nhân, Ấn Độ không còn có thể biểu dương sức mạnh hạt nhân của mình để được đưa vào danh sách các quốc gia hạt nhân hợp pháp. NPT kéo dài không thời hạn ngụ ý là, Ấn Độ sẽ vĩnh viễn nằm ngoài nhóm "các nước có vũ khí hạt nhân" được hiệp ước đó hợp pháp hóa. Cuối cùng, Ấn Độ, một phần do thay đổi chính phủ, vứt bỏ thái độ không minh bạch về hạt nhân của mình, khi Hoa Kỳ đề xuất Hiệp ước Cấm thử Hạt nhân Toàn diện (CTBT). Năm 1998, Liên minh Dân chủ Toàn quốc, do đảng Bharatiya Janata (BJP) cầm đầu, giành thắng lợi trong bầu cử, đã chủ trương tiến hành một loạt cuộc thí nghiệm hạt nhân khiến quốc tế kinh ngạc. Thế là cuộc thương lượng về CTBT thành công đã đẩy nhanh quyết định của Ấn Độ tiếp tục lại việc thử hạt nhân.

Ở Hoa Kỳ, Tổng thống Bill Clinton bị chỉ trích vì trì hoãn việc triển khai hệ thống chống tên lửa đạn đạo, mặc dù việc đó hoàn toàn nằm trong khả năng công nghệ của nước Mỹ. Nhiều nhà phân tích lập luận rằng, thời đại mới chứa đựng những nguy cơ ngày càng tăng đối với nhân dân Mỹ, do tên lửa đạn đạo gắn đầu đạn hạt nhân, hóa học, hay sinh học gây ra, chưa kể bọn khủng bố cũng có thể sử dụng tên lửa gắn WMD. Cuộc tranh luận đó về sự cần thiết của phòng thủ tên lửa ở thời đại sau Chiến tranh Lạnh được New Dehli quan sát cẩn thận.

Trước nguy cơ của tên lửa đạn đạo, Quốc hội Mỹ cho lập một nhóm chuyên gia gọi là Ủy ban Rumsfeld để xem xét những mối đe dọa nước mình. Ủy ban đó kết luận rằng, tên lửa đạn

đạo tầm xa được phổ biến toàn cầu không phải chỉ là một mối đe dọa ngày càng lớn, mà còn đang trở thành hiện thực với một tốc độ chưa từng thấy. Kết luận của Ủy ban khiến Quốc hội ép Chính quyền Bill Clinton phải chú trọng đến hệ thống phòng thủ chống tên lửa tầm xa.

Đối với New Dehli, kế hoạch phòng thủ tên lửa của Clinton có ảnh hưởng đến quy mô, hình dạng, và tính chất kỹ thuật của lực lượng hạt nhân mà Ấn Độ có thể phát triển vì an ninh của mình. Với sản lượng đầu đạn vừa phải, lực lượng hạt nhân bé nhỏ của Ấn Độ có thể trở thành công cụ răn đe đáng tin cậy ở Nam Á. Điều khiến New Dehli hài lòng nhất về kế hoạch của người Mỹ là có một cái ô che cho cả đồng minh và bè bạn, Ấn Độ có thể sử dụng lợi thế đó để giảm nhẹ cho mình gánh nặng phải phát triển những biện pháp thích hợp chống sức mạnh tên lửa đang nảy nở nhanh chóng của Trung Quốc.

Nhưng kế hoạch phòng thủ tên lửa Hoa Kỳ có lẽ gây phản ứng từ phía Nga và Trung Quốc. Một nhà phân tích Ấn Độ là Brahma Chellaney nói rằng, Ấn Độ có thể chịu tác động trước hết do cuộc chạy đua vũ trang ở châu Á mà kế hoạch phòng thủ tên lửa của Mỹ gây ra, thứ hai do sự đe dọa của kho hạt nhân và tên lửa Trung Quốc, và thứ ba do khả năng Trung Quốc bán các hệ thống tên lửa cũ cho Pakistan. Do vậy, nhiều nhà phân tích Ấn Độ không tán thành kế hoạch phòng thủ tên lửa mới của Hoa Kỳ, nhưng một số khác công nhận kế hoạch đó tạo lợi thế cho nước mình. Theo cách suy nghĩ của Chellaney, bất cứ nỗ lực nào của Mỹ "hạn chế sức mạnh và sự ngạo mạn của Trung Quốc cũng giúp cho lợi ích của Ấn Độ"⁴.

Phản ứng chính thức của Ấn Độ, đối với kế hoạch của Hoa Kỳ những năm 1990, chỉ nhẹ nhàng. Mặc dù quan chức Ấn Độ vẫn lo lắng về tác động của chương trình phòng thủ tên lửa của Hoa Kỳ (BMD), nhưng sự phản kháng của họ được diễn đạt bằng những ngôn từ rất chung chung. Ấn Độ bản thân là, nỗ lực phòng thủ tên lửa của Mỹ có thể tác động như thế nào đến môi trường chiến lược của mình, nhưng vì đã tiết lộ năng lực hạt nhân, nên Ấn Độ thận trọng không lên án quá đáng về chương trình phòng thủ của Hoa Kỳ, hoặc gạt bỏ hệ thống phòng thủ chiến lược có thể giúp tháo gỡ tình trạng khó xử của mình về an ninh. Thái độ dè dặt của Ấn Độ một phần do hoàn cảnh chính trị trong nước và trên thế giới. Sự sụp đổ Liên bang Xô Viết, quốc gia che chở mình trước kia, khiến Chính phủ Ấn Độ không muốn tranh cãi với Hoa Kỳ khi nước mình đang khốn quẫn về kinh tế, phải đối phó với sức ép của khuynh hướng ly khai, và đương đầu với chiến dịch cấm phổ biến hạt nhân do Mỹ lãnh đạo.

Năm 1998, các vụ thử hạt nhân của Ấn Độ bị quốc tế đả kích. Năm nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, do Mỹ và Trung Quốc cầm đầu, tìm cách đẩy lùi chương trình vũ khí hạt nhân của Ấn Độ và Pakistan, dẫn đến Nghị quyết 1172 yêu cầu hai nước Nam Á này lập tức “đình chỉ chương trình phát triển vũ khí hạt nhân, từ bỏ việc chế tạo vũ khí hoặc triển khai vũ khí hạt nhân, ngừng phát triển tên lửa đạn đạo có thể mang vũ khí hạt nhân và ngừng sản xuất thêm vật liệu để chế tạo vũ khí hạt nhân”. Nghị quyết còn kêu gọi hai nước “tham gia Hiệp ước Cấm phổ biến Vũ khí Hạt nhân và Hiệp ước

Cấm thử Hạt nhân Toàn diện, không chậm trễ và vô điều kiện”. Không tuân thủ Nghị quyết của Hội đồng Bảo an thì chẳng khó lắm, nhưng gánh nặng phải mang là sự trừng phạt quốc tế về kinh tế và thương mại sau đây, đặc biệt lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ.

Sau các vụ thử này, Bộ trưởng Ngoại giao Jaswant Singh cùng Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ là Strobe Talbott có một cuộc đối thoại dài. Cuộc đối thoại không mang lại kết quả nào mặc dù hai bên đều mong muốn cải thiện quan hệ song phương bị gián đoạn do các vụ thử hạt nhân. Các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ không chấp nhận những yêu cầu mà Washington đưa ra như: ký CTBT; tạm ngừng sản xuất vật liệu phân hạch; không chế tạo vũ khí hạt nhân và tiếp tục phát triển, thí nghiệm và triển khai tên lửa.

Trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Bill Clinton, các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ nói chung đều tỏ ý không tán thành chương trình BMD. Chẳng hạn năm 2000, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ là George Fernandes nói rằng Hoa Kỳ nên từ bỏ kế hoạch phòng thủ tên lửa quốc gia, vì nó “sẽ dẫn đến quá nhiều vấn đề hơn là chúng ta hiện giờ có thể hình dung”⁵. Đồng thời, Ngoại trưởng Jaswant Singh tuyên bố: “Chúng tôi trước sau vẫn giữ quan điểm chống việc quân sự hóa không gian vũ trụ... Chúng tôi không thể ủng hộ bước phát triển này”⁶.

Ấn Độ tránh sức ép của Hoa Kỳ đối với năng lực chiến lược mà nước mình mới biểu dương, và mong Chính phủ Mỹ giúp đỡ đẩy lùi cuộc xâm nhập của Pakistan ở Kargil. Chính phủ Ấn Độ cũng muốn sử dụng cơ hội chuyển công du rất thành công của ông

Clinton ở New Dehli để xây dựng lại quan hệ với nhà cầm quyền Mỹ, nhưng trong cách đánh giá chương trình phòng thủ tên lửa quốc gia Hoa Kỳ, các nhà phân tích chiến lược Ấn Độ thận trọng phê phán Washington vì sợ cuộc biểu dương sức mạnh của Mỹ có thể khiến Trung Quốc phát triển lực lượng tên lửa, và chương trình BMD chẳng trực tiếp liên quan gì đến an ninh của Ấn Độ.

Trong những phản ứng này có nhiều yếu tố đáng chú ý:

Thứ nhất, những phản ứng đó phản ánh nỗi lo ngại về tác động của chương trình phòng thủ tên lửa Hoa Kỳ đối với việc giải trừ vũ khí hạt nhân. Điều này có vẻ kỳ quặc, vì chính các vụ thử hạt nhân của Ấn Độ năm 1998 đã phá tan giấc mộng giải trừ quân bị toàn diện. Ấn Độ tán thành việc hủy bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân đúng vào lúc nước đó thông báo có những vũ khí này.

Thứ hai, tuy Ấn Độ thiếu nhiệt tình với chương trình phòng thủ tên lửa Hoa Kỳ, nhưng nước này không phản kháng gay gắt như trong cuộc tranh luận về SDI. Đặc điểm đáng quan tâm nhất trong phản ứng của Ấn Độ là thái độ nước đôi, phản ánh thế khó xử của những nhà hoạch định chính sách đang đấu tranh để bảo vệ cách nhìn của mình về trật tự giữa một chế độ hạt nhân toàn cầu thay đổi nhanh chóng. Lời lẽ lập lờ của các nhà phân tích đó phản ánh nỗi lo sợ Bắc Kinh hiện đại hóa hạt nhân, cộng với nhận thức rằng phòng thủ tên lửa có thể giúp giảm nhẹ nguy cơ mới của Trung Quốc.

Thứ ba, phản ứng của Ấn Độ đồng thời phản ánh nỗ lực bảo vệ quyền sản xuất một kho hạt nhân hữu hiệu và cải thiện quan hệ với Mỹ. Mâu

thuẫn trong các phản ứng này không thể giải quyết, nhưng nó góp phần giảm nhẹ lời chỉ trích gay gắt của Ấn Độ đối với Hoa Kỳ.

Tóm lại, mối bất hòa giữa Hoa Kỳ và Ấn Độ được giảm bớt sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh, cả hai bên đều mong muốn tạo dựng quan hệ mới mặc dù nhiều lần gián đoạn, và sự công nhận ở Ấn Độ rằng nước Mỹ là siêu cường độc nhất còn lại, tất cả phối hợp với nhau để giảm nhẹ sự phản kháng của Ấn Độ đối với kế hoạch phòng thủ chiến lược của Mỹ.

Tuy vậy, bang giao giữa hai nước còn phải vượt nhiều trở ngại, vì theo lời Thomas Pickering, Thứ trưởng Ngoại giao Phụ trách các vấn đề chính trị, Chính quyền Clinton giữ một lập trường là, "quan hệ mới và gần gũi hơn về chất lượng với Ấn Độ... không thể được thực hiện đầy đủ nếu chẳng có tiến bộ thêm nữa về vấn đề không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt".

Chiều hướng thay đổi trong quan hệ Mỹ-Ấn

Năm 2001, ông George W. Bush lên thay làm Tổng thống, quyết tâm củng cố thế vượt trội của Hoa Kỳ trước tình trạng không ổn định sắp tới, khi các cường quốc mới đang vươn lên như Trung Quốc. Ông Bush cùng các cố vấn thấy cần phải biến đổi quan hệ với Ấn Độ, vì một nước Ấn Độ thân thiện chẳng những là đối tác cân bằng quan trọng với Trung Quốc, mà còn giúp Mỹ tăng cường an ninh trong khu vực, và mở rộng dân chủ ở các nước đang phát triển. Ông Bush bày tỏ rất rõ ràng ý định củng cố quan hệ mới này trong nhiều dịp, thậm chí cả trước khi bầu cử. Trong một diễn văn tranh cử năm 1999, ông nói là "Ấn Độ hiện giờ đang bàn luận về

tương lai và về con đường chiến lược của mình, Hoa Kỳ phải chú ý tới nước đó nhiều hơn”.

Bà Condoleezza Rice nói rõ hơn về cơ sở địa-chính trị trong suy nghĩ của ông Bush khi bà nhấn mạnh Hoa Kỳ nên “chú ý nhiều hơn tới vai trò của Ấn Độ trong thế cân bằng khu vực”. Bà công kích Chính quyền Clinton đã “gắn liền Ấn Độ với Pakistan” và chỉ nghĩ tới “Kashmir hay sự cạnh tranh hạt nhân giữa hai quốc gia đó”. Condoleezza Rice nói “Ấn Độ là một yếu tố trong cách tính toán của Trung Quốc, và cũng nên là một yếu tố trong cách tính toán của nước Mỹ”⁷. Sự cần thiết phải nối lại quan hệ với Ấn Độ cũng được ghi nhận lần đầu tiên trong cương lĩnh tranh cử của Đảng Cộng hòa năm 2000, và được ông Colin Powell xác nhận mạnh mẽ. Chính quyền Bush cho biết, phát triển quan hệ mới với Trung Quốc sẽ là một ưu tiên, và quan hệ đó sẽ mạnh mẽ về nhiều mặt, vượt quá vấn đề không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Rất nhạy cảm với thông điệp mới này, Chính phủ Ấn Độ do đảng BJP không chế tìm cách phá vỡ cái khung không liên kết cũ của thời kỳ Nehru, để tìm những quan hệ đối tác chiến lược có chọn lọc có thể giúp nước mình xây dựng lại sức mạnh quốc gia và giành một vị trí trong các cường quốc lớn. Khi Bộ trưởng Quốc phòng và Ngoại giao Jaswant Singh thăm Washington đầu tháng 4/2001, ông đã được nhiều nhân vật quan trọng như Ngoại trưởng Colin Powell, Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld và Cố vấn An ninh Quốc gia Condoleezza Rice, và không thể ngờ, cả chính Tổng thống George W. Bush đón tiếp.

Jaswant Singh giải thích cử chỉ lịch sự của ông Bush là, “Tổng thống rất

coi trọng Ấn Độ chẳng phải chỉ đối với khu vực, mà như một nhân tố của ổn định và hòa bình”. Đây là lần đầu tiên trong nhiều năm, Washington coi New Dehli đủ quan trọng để xứng đáng với cách ứng xử lịch thiệp dành cho các đồng minh truyền thống lớn. Sự tôn trọng đó có lẽ khiến ông Singh lật ngược thái độ phản kháng trước kia đối với chương trình phòng thủ tên lửa của Mỹ.

Ngay trong thời gian tranh cử tổng thống, những lời ông Bush luôn luôn nhắc đến Ấn Độ như một cường quốc đang vươn lên, cũng dễ lọt tai một chính đảng nước đó đang tìm cách khôi phục tâm cỡ vĩ đại của quốc gia mình. Do đó, tháng 5/2001, khi Tổng thống Bush trình bày “khuôn khổ mới cho an ninh và ổn định”, thì khuôn khổ đó được Chính phủ Ấn Độ đón nhận nhiệt tình hơn cả những gì Hoa Kỳ mong đợi.

Ngày 1/5/2001, ông Jaswant Singh có cuộc hội kiến với bà Condoleezza Rice, và sau cuộc hội kiến, Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã phát đi một thông cáo báo chí. Thông cáo nhấn mạnh rằng buổi tọa đàm “là một phần của một quá trình thông tin và trao đổi ý kiến với Ấn Độ”. Thông cáo còn nói rằng “Ấn Độ luôn luôn ủng hộ một thỏa ước đa phương, dẫn đến việc loại bỏ tất cả các vũ khí hạt nhân trên toàn cầu”⁸.

Lời tuyên bố trên nhanh chóng gây tranh luận ở Ấn Độ và nước ngoài. Một nhà bình luận Ấn Độ nói rằng “nó làm cho các nhà ngoại giao Hoa Kỳ vui sướng và thậm chí ngạc nhiên”, vì “ngay cả các đồng minh chung thủy của Hoa Kỳ, kể cả nước Nhật, cũng hoài nghi hơn, nếu không phê phán”. Các nhà phân tích khuynh tả khác thì thất vọng vì đường lối chính trị hữu khuynh của đảng BJP và vì quyết

định trước đây của đảng này muốn thay đổi chủ trương hạt nhân của Ấn Độ. Họ công kích Chính phủ Vajpayee đã hăm hở lấy lòng Hoa Kỳ.

Một số nhà phân tích nước ngoài cũng phê phán Chính phủ Ấn Độ. Họ cho rằng việc ủng hộ chương trình phòng thủ tên lửa của ông Bush có thể “làm chậm đà vươn lên của Ấn Độ” thành một cường quốc lớn, và cảnh báo rằng “những cái lợi tiềm tàng của sự nình bợ nước Mỹ sẽ mất sạch, do hậu quả lâu dài của hệ thống chống tên lửa Hoa Kỳ”⁹. Thật ra, hầu hết các nhà bình luận Ấn Độ và quốc tế đều làm ở một điểm, Chính phủ Vajpayee nói chung, và ông Jaswant Singh nói riêng, không ủng hộ kế hoạch của Tổng thống Mỹ về phòng thủ tên lửa như theo thông cáo báo chí. Cách nói lập lờ trong lời tuyên bố của Ấn Độ khiến chi tiết này bị bỏ sót. Hai năm sau, Ấn Độ có ủng hộ sáng kiến phòng thủ tên lửa của Tổng thống Mỹ, và cũng muốn được Hoa Kỳ giúp đỡ về công nghệ phòng thủ tên lửa, nhưng không phải là ngày 2/5/2001, lúc thông cáo báo chí của Bộ Ngoại giao được phát đi, vì khi đó Ấn Độ đang tập trung chú ý vào lợi ích truyền thống của mình.

Ở tất cả các ý tưởng trình bày trong bài nói chuyện của Tổng thống Bush, sáng kiến duy nhất mà Chính phủ Ấn Độ ủng hộ là ý tưởng muốn đưa thế giới đến gần hơn “một thỏa ước đa phương dẫn tới loại bỏ tất cả vũ khí hạt nhân trên toàn cầu”, tức là, Tổng thống Mỹ cam kết “tiến nhanh đến cắt giảm lực lượng hạt nhân”. Thông cáo báo chí ngày 2/5/2001 xác nhận điều này.

Bình luận về lời tuyên bố của ông Jaswant Singh về phòng thủ chiến lược, Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa

Kỳ lúc đó là bà Condoleezza Rice đã khôn ngoan nói rằng: Chính phủ Ấn Độ “không bảo rằng họ ủng hộ phòng thủ tên lửa”, nhưng họ tỏ ra “sẵn sàng nghĩ khác”. Khi được hỏi rằng liệu lập trường của Ấn Độ về vấn đề này có thật sự quan trọng không, vì ý nghĩa của việc thuyết phục châu Âu có liên quan hơn nhiều đến việc thực hiện sáng kiến mới, bà Rice tuyên bố: “Tổng thống không nghĩ thế... Ấn Độ được xem trọng”, và nói thêm rằng Chính phủ Mỹ coi sáng kiến là một cách bảo đảm “các nước yêu chuộng hòa bình... có năng lực chống tên lửa đạn đạo” do các nước ma quỷ nhằm vào họ¹⁰.

Thái độ của Ấn Độ thay đổi với Hoa Kỳ, đặc biệt thể hiện ở lời tuyên bố ngày 2 tháng 5, và các cuộc đàm thoại sau đây với Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ là Richard Armitage, diễn ra vì ba lý do khác nhau nhưng liên quan đến nhau.

Thứ nhất, Chính phủ Vajpayee quyết tâm xây dựng quan hệ mới với Hoa Kỳ sau khi hai bên lạnh nhạt với nhau trong thời gian Chiến tranh Lạnh. Trong chuyến thăm của Tổng thống Bill Clinton tháng 3/2000, ông Vajpayee nói hai nước “có tiềm năng trở thành đồng minh tự nhiên”. Sau đây, Vajpayee và Singh công nhận rằng khuôn khổ chiến lược mới được Tổng thống Bush ưa thích, Tổng thống đã nói về nó ở nhiều dịp cả trong khi vận động tranh cử lẫn khi đã nhậm chức. Nhiều ý tưởng vốn có ở khuôn khổ cũng hợp ý các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ, vì thế sáng kiến của ông Bush đáng được Ấn Độ ủng hộ. Sáng kiến đó có chức năng giúp Ấn Độ nổi bật trong con mắt người Mỹ, cuối cùng nó có thể mở cửa để Hoa Kỳ thay đổi chính sách từ chối cung cấp công nghệ Mỹ cho Ấn Độ từ năm 1974, cũng như từng bước

chấp nhận vũ khí hạt nhân của New Dehli là cần thiết để cân bằng lực lượng tại châu Á.

Thứ hai, sức hấp dẫn trong khuôn khổ chiến lược mới của Tổng thống Bush là sự hứa hẹn hợp tác công nghệ, rất cần thiết cho Ấn Độ. Ông Bush nhấn mạnh rằng ông đề nghị sắp xếp lại trật tự chế độ hạt nhân quốc tế là nhằm “phản ánh một sự đoạn tuyệt dứt khoát với quá khứ, và nhất là với cái di sản đối đầu nhau của Chiến tranh Lạnh”. Công nghệ tiêu biểu cho “sự thăng thấn và tin cậy nhau”, và là hiện thân của “những cơ hội thật sự để hợp tác, kể cả trong lĩnh vực quốc phòng”. Nó “sẽ cho phép chúng ta chia sẻ thông tin khiến mỗi quốc gia đều có thể cải tiến khả năng cảnh báo sớm, và khả năng bảo vệ nhân dân và lãnh thổ mình. Và có lẽ một ngày kia, chúng ta thậm chí có thể hợp tác phòng thủ chung”.

Tổng thống Mỹ cho biết đề nghị của ông nhằm gửi đến tất cả “bạn bè và đồng minh”, mà Chính phủ Hoa Kỳ sẽ trực tiếp tham khảo ý kiến. Ấn Độ tuy không phải là đồng minh, nhưng rõ ràng là bạn bè. Điều đó được xác nhận bằng việc Chính phủ Mỹ thông báo rằng, Thứ trưởng Ngoại giao Armitage sẽ đến New Dehli để thực hiện cuộc trao đổi ý kiến mà Tổng thống hứa.

Thứ ba, Cố vấn đặc biệt về quốc phòng của ông Jaswant Singh là Arun Singh nêu trong nhiều bản ghi nhớ mật của Chính phủ Ấn Độ rằng, hiệp ước ABM vẫn là nền tảng của một chế độ gạt nước ông khỏi phạm

trù “các quốc gia có vũ khí hạt nhân hợp pháp”. Điều đó có tác động tai hại làm Ấn Độ suy yếu trước đối thủ chính trong khu vực là Trung Quốc. Vì thế Ấn Độ khôn ngoan khi giúp Hoa Kỳ hủy bỏ chế độ hạt nhân hiện hành mà từ lâu Ấn Độ gọi là “phân biệt đối xử”, và cơ hội trở thành một bộ phận của trật tự hạt nhân quốc tế mới là quá tốt đối với nước này. Vì thế, cơ hội đó là một trong những động cơ chính cho phép Chính phủ Vajpayee chấp nhận việc thay thế hiệp ước ABM. (còn nữa)

Tài liệu tham khảo:

1. *Hindu*, May 15, 2001.
2. *Hindu*, May 9, 2001.
3. *Times of India*, February 12, 2001.
4. *International Security*, Vol.30, No.4 (Spring 2006)

Chú thích:

- 1) *Strategic Digest*, Vol. 14, No.3 (March 1984).
- 2) George W. Bush, “Remarks by the President to Students at National Defense University,” Fort Lesley J. McNair, Washington, D.C., May 1, 2001.
- 3) Subrahmanyam, “High Frontier War”, p.119.
- 4) Chellaney, “Dehli’s dilemma”, *Washington Quarterly*, Vol.23, No.3 (Summer 2000), p.148.
- 5) *Hindu*, July 4, 2000
- 6) *Times of India*, July 24, 2000.
- 7) *Foreign Affairs*, Vol.79, No.1 (January/February 2000).
- 8) Thông cáo báo chí của Bộ Ngoại giao Ấn Độ, New Dehli, ngày 2 tháng Năm 2001.
- 9) *Hindu*, June 14, 2001.
- 10) *Hindu*, June 20, 2001.